



**VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN
TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG**

QUY TRÌNH

**CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM, HÀNG HÓA
CHUNG ĐỐI VỚI CÁC CHẤT NHIỄM BẨN
VÀ CÁC ĐỘC TỐ TRONG THỰC PHẨM**

PHÙ HỢP TCVN 4832 : 2009

Mã số: VCL.QĐ.12

	Người soạn thảo	Người kiểm tra	Người phê duyệt
Họ và tên	Chu Thị Hiên	Lương Văn Phan	Ngô Tất Thắng
Chức vụ	Chuyên gia đánh giá	Phó Viện trưởng	Viện trưởng
Chữ ký			

1. PHẠM VI ÁP DỤNG

Văn bản này quy định các nội dung cơ bản trong việc đánh giá chứng nhận sản phẩm phù hợp Tiêu chuẩn TCVN 4832 : 2009 quy định các nguyên tắc cơ bản và các quy trình liên quan đến các chất nhiễm bẩn và các độc tố trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi và các danh mục về các mức tối đa về các chất nhiễm bẩn và các độc tố có mặt tự nhiên trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi do Viện Nghiên cứu Phát triển Tiêu chuẩn Chất Lượng thực hiện từ ngày 01 tháng 8 năm 2013.

2. THUẬT NGỮ, ĐỊNH NGHĨA VÀ TÀI LIỆU VIỆN DẪN

2.1. Thuật ngữ và định nghĩa

Trong Quy định này, các thuật ngữ, từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

- ĐKĐBCL: Điều kiện đảm bảo chất lượng;
- ISSQ: Viện Nghiên cứu Phát triển Tiêu chuẩn Chất lượng;
- Trong TCVN 4832 : 2009 các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - Chất nhiễm bẩn (contaminant): bất kỳ chất nào không chủ định bổ sung vào thực phẩm, mà có mặt trong thực phẩm đó do bị nhiễm bẩn trong sản xuất (bao gồm các thao tác thực hiện khi thu hoạch ngoài đồng ruộng, trang trại chăn nuôi và từ thuốc thú y), chế biến, chuẩn bị, xử lý, bao gói, vận chuyển hoặc lưu giữ thực phẩm đó hoặc do nhiễm bẩn từ môi trường. Thuật ngữ này không bao gồm các mảnh xác côn trùng, lông của động vật gặm nhấm và các chất lạ khác.
 - Mức tối đa (ML – Codex Maximum level) đối với một chất nhiễm bẩn trong thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi là giới hạn tối đa của chất đó cho phép có trong sản phẩm đó.
 - Mức hướng dẫn (GL – Codex Guideline level) là mức tối đa của một chất có trong thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi được có thể chấp nhận được đối với các sản phẩm hàng hóa đưa vào lưu thông trong thương mại quốc tế. Khi mức hướng dẫn này bị vượt quá thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần quyết định xem thực phẩm đó có được phân phối trong lãnh thổ hay không hoặc phải tuân theo luật pháp.
 - Tham chiếu JECFA là tham chiếu hội nghị JECFA trong đó có đánh giá về chất nhiễm bẩn và năm tổ chức hội nghị đó.
 - Giá trị hướng dẫn về độc tính là mức ăn vào có thể chấp nhận được của chất nhiễm bẩn đối với con người, tính theo miligam (mg) trên khối lượng cơ thể (bw).
 - Định nghĩa về dư lượng là xác định chất nhiễm bẩn ở dạng áp dụng ML hoặc có thể hoặc cần được phân tích có trong sản phẩm.
 - Cách dùng khác là ký hiệu, chữ viết tắt, những mô tả mang tính khoa học và các mã nhận dạng được dùng để xác định chất nhiễm bẩn.
 - Mã sản phẩm là mã đối với sản phẩm thực phẩm theo hệ thống phân loại thực phẩm và thức ăn chăn nuôi.

- Hậu tố là chú thích kèm theo ML hoặc GL, được dùng để chỉ ra việc áp dụng hoặc việc xem xét thêm về ML.
- PMTDI (Provisional Maximum Tolerable Daily Intake – Lượng ăn vào hàng ngày tối đa có thể chấp nhận tạm thời).
- PTWI (Provisional Tolerable Weekly Intake - Lượng ăn vào hàng tuần có thể chấp nhận tạm thời).
- PTMI (Provisional Tolerable Monthly Intake – Lượng ăn vào hàng tháng có thể chấp nhận tạm thời).

2.2. Tài liệu viện dẫn

- Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007;
- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ, về việc quy định chi tiết thi hành một số điều luật chất lượng sản phẩm hàng hóa;
- Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo thông tư 28/2012/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thông tư 08/2009/TT-BKHCN ngày 08/4/2009 của Bộ KHCN về việc hướng dẫn yêu cầu, trình tự thủ tục đăng ký lĩnh vực hoạt động đánh giá sự phù hợp;
- Thông tư 09/2009/TT-BKHCN ngày 8/4/2009 của bộ KHCN về việc hướng dẫn yêu cầu trình tự thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp;
- TCVN 4832: 2009 là tiêu chuẩn chung đối với các chất nhiễm bẩn các độc tố trong thực phẩm.
- VS.01 – Quy trình Kiểm soát tài liệu và hồ sơ;

3. NỘI DUNG

3.1. Đăng ký chứng nhận

3.1.1 Mọi tổ chức, cá nhân (gọi chung là doanh nghiệp) muốn được chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn. Nộp hồ sơ đăng ký chứng nhận tại trụ sở của ISSQ.

3.1.2 Hồ sơ đăng ký chứng nhận sản phẩm bao gồm :

- Bản đăng ký chứng nhận sản phẩm theo biểu mẫu;
- Các tài liệu khác nếu có;

3.2. Xem xét hồ sơ đăng ký

3.2.1 Trung tâm chứng nhận phối hợp với các phòng ban liên quan xem xét hồ sơ đăng ký chứng nhận, trình ban lãnh đạo ISSQ phê duyệt và ký hợp đồng đánh giá.

Đối với đơn vị sản xuất trong nước:

- Hồ sơ kỹ thuật của sản phẩm
- Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 (nếu có)
- Phiếu kết quả thử nghiệm sản phẩm (nếu có)

Đối với đơn vị nhập khẩu:

- Tờ khai hải quan
- Hợp đồng mua bán hàng hóa
- Hóa đơn thương mại
- Bảng kê chi tiết hàng hóa
- CO/ CQ (chứng chỉ chất lượng và nguồn gốc lô hàng)
- Ảnh mô tả lô hàng
- Mẫu nhãn nhập khẩu, nhãn phụ (nếu nhãn chính không đủ thông tin theo quy định)

3.2.2 Nội dung xem xét bao gồm :

- Tính đầy đủ của hồ sơ
- Tiêu chuẩn dùng để đánh giá;
- Hệ thống đảm bảo chất lượng;
- Điều kiện thử nghiệm;
- Thời gian thực hiện.

3.3. Chuẩn bị đánh giá

3.3.1 Căn cứ vào yêu cầu chứng nhận và tiêu chuẩn đăng ký chứng nhận của đơn vị xin chứng nhận, Trung tâm CN sẽ xem xét năng lực của các phòng thử nghiệm có liên quan, đề xuất lãnh đạo chỉ định phòng thử nghiệm đạt yêu cầu.

3.3.2 Trung tâm Chứng nhận xem xét các tiêu chuẩn dùng để chứng nhận sản phẩm của khách hàng có đáp ứng yêu cầu của ISO/ IEC Guide 7: 1994 và ISO/IEC Guide 65: 1996 hay không.

3.3.3 Trung tâm Chứng nhận dự thảo Kế hoạch đánh giá trình lãnh đạo ISSQ phê duyệt.

3.3.4 Các chuyên gia đánh giá Lãnh đạo Trung tâm Chứng nhận đề xuất, phù hợp với lĩnh vực sản phẩm và nằm trong các danh mục các chuyên gia đánh giá đã được phê duyệt.

3.3.5 Trưởng đoàn chuyên gia đánh giá tổ chức xây dựng kế hoạch chất lượng (nếu sản phẩm xin chứng nhận chưa có quy định riêng), sau đó trình Lãnh đạo ISSQ phê duyệt.

3.3.6 Trưởng đoàn chuyên gia đánh giá lập chương trình đánh giá sản phẩm, sau khi đã trao đổi với doanh nghiệp đăng ký chứng nhận và các thành viên của đoàn chuyên gia đánh giá trước ít nhất một tuần trước cuộc đánh giá chứng nhận tại doanh nghiệp.

3.4. Tiến hành đánh giá

A. Trình tự quá trình đánh giá nhà sản xuất trong nước (Phương thức 5)

Các sản phẩm sản xuất trong nước được chứng nhận theo phương thức 5 (thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất) trong Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo thông tư 28/2012/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

a. Đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng

Đối với doanh nghiệp đã được chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008:

- Kiểm tra phạm vi chứng nhận, hiệu lực chứng nhận;
- Khi có nghi ngờ về tính hiệu lực của hệ thống, Trưởng đoàn đánh giá có quyền quyết định xem xét một số hoặc toàn bộ nội dung liên quan đến yêu cầu về điều kiện đảm bảo chất lượng;
- Đối với doanh nghiệp chưa được chứng nhận hệ thống QLCL:
- Thực hiện việc đánh giá theo yêu cầu của điều kiện đảm bảo chất lượng.
- Điều kiện đảm bảo chất lượng phù hợp khi:
 - Không có điểm không phù hợp nào được phát hiện; hoặc
 - Có các điểm không phù hợp nhẹ (Minor/Loại 2) và doanh nghiệp có bằng chứng về kế hoạch/hành động khắc phục đúng thời hạn yêu cầu và được Trưởng đoàn đánh giá chấp nhận.

B. Trình tự quá trình đánh giá nhà nhập khẩu (Phương thức 7)

Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo thông tư 28/2012/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

3.4.1. Lấy mẫu

Lấy mẫu kiểm tra ghi nhãn, điều kiện vận chuyển và bảo quản tại hiện trường

- Các sản phẩm, hàng hóa phải tuân thủ các quy định sau đây về bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản.
- Phải ghi nhãn cho tất cả các bao, kiện sản phẩm hoặc thể hiện trên giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm của lô sản phẩm (với sản phẩm không đóng bao, kiện). Việc ghi nhãn sản phẩm thực hiện theo Nghị định 89/2006/NĐ-CP về ghi nhãn hàng hóa và các quy định pháp quy hiện hành khác có liên quan. Tất cả các nhãn sản phẩm phải có dấu hợp chuẩn theo văn bản pháp quy hiện hành của Nhà nước về chứng nhận hợp chuẩn và công bố hợp chuẩn.
- Quy định về bao gói (với sản phẩm đóng bao), ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản nêu trong tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về yêu cầu kỹ thuật đối với sản phẩm đó.. Kết quả kiểm tra ghi vào Biên bản đánh giá mẫu điển hình tại hiện trường.

Lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu kỹ thuật

a) Nguyên tắc lấy mẫu

- Mẫu phải được ISSQ lấy ngẫu nhiên từ kho của cơ sở theo từng chủng loại sản phẩm.
- Các mẫu được bảo quản thích hợp để không làm ảnh hưởng tới chất lượng và được gửi đến phòng thử nghiệm do Tổ chức chứng nhận chỉ định để thử nghiệm.

b) Phương pháp lấy mẫu, quy cách và khối lượng mẫu điển hình

- Phương pháp lấy mẫu điển hình tuân theo các quy định nêu trong tiêu chuẩn quốc gia hiện hành về phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử đối với sản phẩm tương ứng.
- Quy cách và khối lượng mẫu điển hình cho mỗi lô sản phẩm, hàng hóa tuân theo quy định trong cột “Quy cách mẫu” của Bảng 1.1.
- Mẫu lấy tại nơi sản xuất là mẫu đại diện cho một kiểu, loại cụ thể của sản phẩm được sản xuất theo cùng một thiết kế, trong cùng một điều kiện và sử dụng cùng loại nguyên vật liệu.
- Mẫu lấy tại cửa khẩu hoặc tại nơi tập kết hàng. Mẫu được lấy khi có đầy đủ đại diện của nhà nhập khẩu và đơn vị kiểm định. Một số yêu cầu khi lấy mẫu nhập khẩu:
 - Mẫu được lấy ngẫu nhiên từ các sản phẩm hàng hóa hiện có và được gia công sao cho đảm bảo kích thước theo tiêu chuẩn. Trường hợp sản phẩm được cấu thành từ sản phẩm không thể gia công, lô hàng phải có mẫu thí nghiệm gửi kèm. Các mẫu thí nghiệm này phải đạt kích thước đúng tiêu chuẩn, đơn vị thí nghiệm sẽ kiểm định chất lượng theo các mẫu gửi kèm.
 - Địa điểm lấy mẫu: tại cửa khẩu (nếu hàng hóa phải kiểm hóa); tại kho của doanh nghiệp nếu hàng không phải kiểm hóa và được Hải quan cho phép tạm thông quan đưa về kho để giải phóng mặt bằng;
 - Container còn nguyên Seal, có số hiệu, số seal đúng như mã thể hiện trong hồ sơ nhập khẩu của khách hàng
- Trình tự, thủ tục chứng nhận hợp chuẩn, dấu hợp chuẩn và công bố hợp chuẩn được thực hiện theo Quy định về chứng nhận hợp chuẩn và công bố hợp chuẩn của Nhà nước và quy định pháp quy hiện hành khác có liên quan.
- Khi cần thử nghiệm một số chỉ tiêu chất lượng tại cơ sở, chuyên gia đánh giá ghi kết quả vào biểu mẫu Biên bản đánh giá mẫu điển hình tại hiện trường, có chữ ký xác nhận của trưởng đoàn chuyên gia đánh giá và đại diện cơ sở.

• Bảng 1.1 - Yêu cầu kỹ thuật đối với Các chất nhiễm bẩn và các độc tố trong thực phẩm.

TT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Mức yêu cầu	Phương pháp thử	Quy cách mẫu
1	Độc tố vi nấm - Aflatoxin tổng số - Aflatoxin M1 - Patulin	Theo mục: 4.1.1; 4.1.2; 4.1.3 TCVN 4832 : 2009	TCVN 4832 : 2009	Theo yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN 4832 : 2009

2	Kim loại nặng - Asen - Cadimi - Chì - Thủy ngân - Metyl thủy ngân - Thiếc	Theo mục: 4.2.1; 4.2.2; 4.2.3; 4.2.4; 2.4.5; 4.2.6 TCVN 4832 : 2009	TCVN 4832:2009	Theo yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN 4832 : 2009
3	Đồng vị phóng xạ	Theo mục 4.3 TCVN 4832 : 2009	TCVN 4832 : 2009	Theo yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN 4832 : 2009
4	Các chất nhiễm bẩn và độc tố khác - Acrylonitril - Dioxin dạng monome	Theo mục: 4.4.1; 4.4.2; 4.4.3 TCVN 4832 : 2009	TCVN 4832 : 2009	Theo yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN 4832 : 2009

3.4.2. Các chỉ tiêu kỹ thuật và phương pháp thử nghiệm

a) Yêu cầu kỹ thuật

- Các chất nhiễm bẩn và các độc tố trong thực phẩm phải được kiểm soát, sản xuất để đảm bảo các yêu cầu về an toàn cho người sử dụng trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm và không có nguy cơ cao gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người trong quá trình vận chuyển, bảo quản và sử dụng.
- Các chất nhiễm bẩn và các độc tố trong thực phẩm phải được kiểm tra các chỉ tiêu kỹ thuật và phải thỏa mãn mức yêu cầu của các chỉ tiêu tương ứng nêu trong Bảng 1.1.
- Phương pháp thử áp dụng khi kiểm tra các chỉ tiêu kỹ thuật của các sản phẩm, hàng hóa chế biến có các chất nhiễm bẩn và các độc tố trong thực phẩm được nêu trong Bảng 1.1

3.4.3. Thử nghiệm mẫu điển hình

- Trưởng đoàn đánh giá có trách nhiệm tổ chức gửi mẫu đến phòng Thí nghiệm được chỉ định trong vòng 03 ngày kể từ ngày lấy mẫu để yêu cầu thử nghiệm các chỉ tiêu quy định tại tiêu chuẩn kỹ thuật.
- Việc thử nghiệm không quá 7 ngày làm việc.

3.4.4. Đánh giá mẫu điển hình

Mẫu điển hình được lấy để kiểm tra, kiểm nghiệm chỉ xem là đạt yêu cầu khi cùng thỏa mãn:

- Đạt yêu cầu về ghi nhãn và trọng lượng bao của sản phẩm theo quy định đối với sản phẩm được đóng gói sẵn;

- Đạt yêu cầu tương ứng với điều kiện lắp đặt tương ứng với quy định của nhà sản xuất.

3.4.5. Đánh giá chung và kiến nghị chứng nhận

- Trên cơ sở kết quả đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng và kết quả đánh giá mẫu điển hình, Trưởng đoàn đánh giá xem xét, lập báo cáo và kiến nghị chứng nhận hợp chuẩn cho sản phẩm tương ứng, nếu:
 - Điều kiện đảm bảo chất lượng phù hợp; và
 - Kết quả đánh giá mẫu điển hình phù hợp các yêu cầu của tiêu chuẩn.
- Trưởng đoàn đánh giá có trách nhiệm kiến nghị lãnh đạo ISSQ về việc cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn và Dấu hợp chuẩn theo quy định hiện hành của Trung tâm.

3.5. Báo cáo đánh giá

3.5.1 Trưởng đoàn chuyên gia đánh giá chịu trách nhiệm lập *Báo cáo đánh giá* bao gồm đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng và mẫu thử nghiệm điển hình theo kèm theo kết quả thử nghiệm mẫu điển hình và kết quả đánh giá các yêu cầu bằng phương pháp chuyên gia trình Lãnh đạo ISSQ ra quyết định chứng nhận. Trong đó kết quả đánh giá bao gồm: Điểm mạnh (M), Sự không phù hợp (KPH), Lưu ý (LI), Đề xuất cải tiến (CT).

3.5.2 Trường hợp kết quả còn nhiều điểm không phù hợp thì doanh nghiệp đăng ký chứng nhận phải đưa ra biện pháp khắc phục và gửi về ISSQ trong thời hạn 01 tháng để xem xét chấp nhận hoặc đánh giá như doanh nghiệp tự ý huỷ bỏ việc đăng ký chứng nhận.

3.6. Quyết định chứng nhận

3.6.1 Hội đồng chứng nhận chịu trách nhiệm thẩm xét hồ sơ đánh giá, nếu phù hợp thì dự thảo quyết định cấp giấy chứng nhận và cho phép sử dụng dấu hợp chuẩn cho sản phẩm đăng ký chứng nhận trình Lãnh đạo ISSQ ký theo BM.VCL.08.01.

3.6.2 Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận:

Không quá 03 năm (đối với chứng nhận theo Phương thức 5).

3.7. Giám sát sau chứng nhận (Chỉ áp dụng đối với Phương thức 5)

3.7.1 Trong thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận, định kỳ 06 tháng hoặc 09 tháng một lần (hoặc đột xuất khi thấy cần thiết) ISSQ sẽ cử đoàn chuyên gia đánh giá đến doanh nghiệp để tiến hành giám sát việc duy trì và thực hiện các yêu cầu đối với sản phẩm được chứng nhận. Lịch đánh giá giám sát được thực hiện theo QT.VCL.08. Trưởng đoàn đánh giá giám sát chịu trách nhiệm lập báo cáo đánh giá giám sát theo BM.VCL.08.11.

3.7.2 Ba tháng trước khi hết hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, ISSQ sẽ thông báo cho Doanh nghiệp biết để làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận. Doanh nghiệp gửi yêu cầu bằng văn bản cho ISSQ. Kết quả giám sát định kỳ của doanh nghiệp là căn cứ để ISSQ xem xét cấp lại Giấy chứng nhận.

3.8. Đình chỉ, huỷ bỏ hiệu lực giấy chứng nhận.

3.8.1 Việc đình chỉ hiệu lực giấy chứng nhận được thực hiện trong các trường hợp sau đây (nhưng không kéo dài quá 03 tháng):

- a. Tiêu chuẩn dùng để chứng nhận được sửa đổi hoặc thay thế sau 06 tháng kể từ ngày có hiệu lực;
- b. Sản phẩm được chứng nhận không phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng;
- c. Hệ thống đảm bảo chất lượng không được tuân thủ;

3.8.2 Việc huỷ bỏ hiệu lực giấy chứng nhận được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

- a. Yêu cầu của doanh nghiệp
- b. Doanh nghiệp ngừng sản xuất sản phẩm được chứng nhận quá 12 tháng;
- c. Quá thời hạn thông báo đình chỉ, huỷ bỏ hiệu lực của giấy chứng nhận mà doanh nghiệp không tiến hành các yêu cầu của ISSQ;

3.8.3 Trung tâm CN chịu trách nhiệm soạn thảo thông báo đình chỉ, huỷ bỏ hiệu lực giấy chứng nhận trình Lãnh đạo ISSQ phê duyệt và gửi cho doanh nghiệp có sản phẩm được chứng nhận.

3.9. Mở rộng phạm vi chứng nhận

3.9.1 Đối với sản phẩm cùng loại đã được chứng nhận chỉ tiến hành lấy mẫu thử nghiệm, đánh giá kết quả thử nghiệm và ra quyết định chứng nhận mở rộng.

3.9.2 Đối với sản phẩm khác loại thì tiến hành đánh giá chứng nhận lần đầu.

3.10. Chứng nhận lại

Chứng nhận lại được tiến hành theo toàn bộ quy định này trong các trường hợp sau:

- Hết hạn hiệu lực của giấy chứng nhận;
- Tiêu chuẩn để chứng nhận có thay đổi hoặc thay thế.

4. PHỤ LỤC

Stt	Tên hồ sơ	Mã hiệu	Nơi lưu
1.	Bản đăng ký chứng nhận sản phẩm sản xuất trong nước	BM.VCL.08.01	ISSQ
2.	Bản đăng ký chứng nhận sản phẩm xuất khẩu	BM.VCL.08.01	ISSQ
3.	Chương trình đánh giá	BM.VCL.08.03	ISSQ/ Khách hàng
4.	Biên bản lấy mẫu	BM.VCL.08.09	ISSQ/ Khách hàng
5.	Báo cáo đánh giá chứng nhận	BM.VCL.08.08	ISSQ/ Khách hàng
6.	Quyết định cấp chứng nhận	BM.VCL.08.18	ISSQ/ Khách hàng